

VAI TRÒ VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Châu Văn Bảo, Hồ Ngọc Chi*

ABSTRACT

The Industrial Revolution 4.0 has had an increasingly strong impact on the development of all areas of social life, including the application of digital transformation in higher education; creating a change in the knowledge and skill needs of both learners and teachers, as well as broadening the possibilities of teaching and learning. In recent years, especially since the outbreak of the Covid-19 pandemic, the application of digital transformation in higher education has quickly become an inevitable trend globally. The article studies the basic theoretical issues and proposes solutions to improve the efficiency of digital transformation in higher education in our country today.

Keywords: Digital transformation, higher education.

Received: 05/01/2022; Accepted: 10/01/2022; Published: 17/01/2022

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số là quá trình chuyển từ mô hình truyền thống sang mô hình số bằng cách ứng dụng các công nghệ mới như dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud computing)... và các phần mềm công nghệ để thay đổi phương thức quản lý, điều hành, thay đổi quy trình, phương thức làm việc và thay đổi văn hóa tổ chức. Chuyển đổi số tác động sâu rộng, bao trùm lên tất cả các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội, góp phần tăng năng suất lao động, chuyển đổi mô hình hoạt động, kinh doanh theo hướng đổi mới sáng tạo, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia. Trong Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ đã xác định giáo dục và đào tạo là một trong 8 lĩnh vực được ưu tiên hàng đầu trong triển khai thực hiện, với nội dung cụ thể là: “Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa. 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của

học sinh trước khi đến lớp học” [1].

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vai trò của chuyển đổi số trong giáo dục đại học

Đối với giáo dục nói chung, giáo dục đại học nói riêng, chuyển đổi số mang lại cơ hội áp dụng công nghệ để tạo ra những thay đổi nhanh chóng về mô hình, cách thức tổ chức và phương pháp dạy - học; chuyển đổi số giúp nâng cao hiệu quả đào tạo cho người dạy và người học, cải thiện chất lượng và hiệu quả vận hành của trường trên các phương diện:

Thứ nhất, công nghệ giúp đẩy nhanh quá trình cập nhật và truyền tải thông tin giữa giảng viên và học viên, và giữa học viên với nhau. Hãy hình dung giảng viên thấy một thông tin hữu ích ở bản tin mà họ đọc trên điện thoại di động và họ muốn đặt vấn đề thảo luận với học viên vào ngày hôm sau, họ có thể chia sẻ ngay lập tức với cả lớp. Điều này cũng diễn ra tương tự giữa người học với nhau.

Thứ hai, nền tảng trực tuyến cho phép phá bỏ rào cản địa lý vốn là hạn chế của đại đa số sinh viên và giảng viên. Theo đó, sinh viên có thể truy cập các video trực tuyến cung cấp hướng dẫn về nhiều chủ đề ở các mức kỹ năng khác nhau và tham gia vào các hội nghị truyền hình thời gian thực với giảng viên. Ngoài ra, người học còn có thể dễ dàng tiếp cận bài giảng của các giáo sư hàng đầu thế giới trong nhiều lĩnh vực. Điều này trước đây vốn chỉ dành cho học viên có điều kiện tài chính thì nay đã trở nên khả thi cho đa số sinh viên bình thường.

Thứ ba, quá trình chuyển đổi số trong giáo dục đại học thúc đẩy sự thay đổi, tự chủ, tinh linh hoạt

* Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM

và gia tăng năng lực cạnh tranh của cả người học và người dạy. Giảng viên bắt đầu phải xác định lại thế mạnh của mình về chuyên môn và phương pháp truyền đạt, và phải so mình với những giáo sư hàng đầu thế giới để tìm cho mình phương pháp giảng dạy năng động, phù hợp và thực tế hơn, có thể tập trung hơn vào hướng dẫn hoạt động ứng dụng hay thực hành. Giảng viên chuyển vai trò từ cung cấp kiến thức sang xúc tác, điều phối, hướng dẫn người học đánh giá chất lượng và ý nghĩa của nguồn thông tin, định hướng cho người học tự tìm đến những cách hiểu mới.

Như vậy, chuyển đổi số cho phép giáo dục đại học được thực hiện toàn diện và đầy đủ mà không có gặp mặt, giao tiếp trực tiếp, có nghĩa là phương thức chuyên tải thay đổi từ trực tiếp sang từ xa, đòi hỏi thay đổi ở nhiều khía cạnh. Chuyển đổi số trong giáo dục - đào tạo tập trung vào hai nội dung là chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học và chuyển đổi số trong quản lý giáo dục.

Trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá gồm số hóa các học liệu (sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, kho bài giảng E-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm), thư viện số, phòng thí nghiệm ảo, triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến, xây dựng các trường đại học ảo (cyber university). Chuyển đổi số không chỉ là số hóa bài giảng, hay ứng dụng các phần mềm vào xây dựng bài giảng mà còn là sự chuyển đổi toàn bộ cách thức, phương pháp giảng dạy, kỹ thuật quản lý lớp học, tương tác với người học sang không gian số, khai thác công nghệ thông tin để tổ chức giảng dạy thành công. Bên cạnh đó, toàn bộ dữ liệu về quá trình học tập của người học cũng được theo dõi và lưu trữ bằng công nghệ chứ không phải thông qua hệ thống hồ sơ sổ sách thông thường.

Trong quản lý giáo dục bao gồm số hóa thông tin quản lý, tạo ra những hệ thống cơ sở dữ liệu lớn liên thông, triển khai các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng các công nghệ số để quản lý, điều hành, dự báo, hỗ trợ ra quyết định một cách nhanh chóng, chính xác.

Trong quản lý đầu ra, cần sử dụng những công nghệ mới nhất để hỗ trợ bảo đảm việc đào tạo, đánh giá, kiểm tra, công nhận kết quả và cấp bằng, chứng chỉ là đúng đối tượng. Không chỉ kết quả đánh giá được số hóa, mà quá trình đánh giá cũng phải được triển khai, thực hiện bằng ứng dụng công nghệ trên máy tính.

Chuyển đổi số kéo các thay đổi cơ chế quản lý, thay đổi cơ cấu tổ chức bên trong, tái cấu trúc quy

trình nghiệp vụ, chuyển đổi các mối quan hệ, quy trình xử lý thông tin, ra quyết định và giải quyết công việc từ môi trường truyền thống sang môi trường số, cũng như thay đổi việc quản trị các nguồn lực trong cơ sở giáo dục đại học.

2.2. Điều kiện bảo đảm thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục đại học

Chuyển đổi số ngày càng khẳng định sự cần thiết, mở ra một diện mạo giáo dục - đào tạo hoàn toàn mới, với phương thức, cách thức, phương pháp, kỹ thuật, công cụ và phương tiện mới. Tuy nhiên, để thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục đại học, cần bảo đảm các điều kiện sau:

Một là, thay đổi về cơ sở pháp lý, cần có hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và quy phạm nội bộ đầy đủ, đồng bộ. Việc xây dựng và ban hành chính sách đòi hỏi sự nghiên cứu kỹ lưỡng và khoa học. Đồng thời để chính sách đi vào đời sống, cần phải có hệ thống các công cụ giám sát, quản lý và bảo đảm chất lượng giáo dục - đào tạo trực tuyến và từ xa để bảo đảm tính giá trị của hình thức đào tạo này. Thế chế cần đi trước một bước và được điều chỉnh linh hoạt để chấp nhận những cái mới: công nghệ mới, sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình mới.

Hai là, thay đổi tư duy và năng lực quản lý, chuyển đổi số tác động tới nhiều bên liên quan khác nhau, trong đó trực tiếp và chịu tác động lớn nhất là người học và giảng viên, tiếp theo là đội ngũ cán bộ quản lý, phục vụ hỗ trợ là những người phải trực tiếp thao tác, vận hành hệ thống. Đặc biệt, lãnh đạo nhà trường với vai trò xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược đổi mới cần phải thay đổi tư duy và nâng cao năng lực quản lý.

Ba là, bảo đảm về hạ tầng công nghệ mới, trang thiết bị mới cho cả người học, người trực tiếp giảng dạy, cơ sở giáo dục đại học và cơ quan quản lý. Đi kèm thiết bị phần cứng là các ứng dụng phần mềm thống nhất, các nền tảng tương thích và kết nối, tích hợp với nhau để toàn bộ mọi hoạt động giáo dục đại học và quản lý của các cấp diễn ra trên đó. Đường truyền internet ổn định là yếu tố cần phải có để các nền tảng này hoạt động.

Bốn là, kỹ năng sử dụng công nghệ của giảng viên và sinh viên. Giảng viên là yếu tố quan trọng nhất quyết định sự thành công của đào tạo trực tuyến, từ xa và quá trình chuyển đổi số. Giảng viên cần có những kỹ năng mới để tổ chức hoạt động giảng dạy, duy trì sự tập trung và thu hút sự tham gia của sinh viên vào các nhiệm vụ và hoạt động học tập.

(Xem tiếp trang 123)

Bảng 2.5: Nhịp độ tăng trưởng về thành tích của hai nhóm sau 3 tháng thực nghiệm.

Test	Nhóm thực nghiệm (nhóm A)			Nhóm đối chứng (nhóm B)		
	Trước thực nghiệm	Sau thực nghiệm	W %	Trước thực nghiệm	Sau thực nghiệm	W %
	\bar{X}	\bar{X}		\bar{Y}	\bar{Y}	
Test 1	51	65	14,1	52	54	3,7
Test 2	21	29	32	22	24	8,6
Test 3	11	19	53	11	13	8,3

Qua kết quả cho thấy: Nhịp độ tăng trưởng của kỹ thuật di chuyển thông qua 3 test của hai nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng đều tăng, song nhịp độ tăng trưởng của nhóm thực nghiệm cao hơn so với nhóm đối chứng. Như vậy sau 3 tháng thực nghiệm và ứng dụng các bài tập do đề tài lựa chọn đã có hiệu quả hơn hẳn so với các bài tập sử dụng trước đây.

3. Kết luận

Đề tài đã lựa chọn được 06 bài tập nhằm nâng cao kỹ thuật di chuyển cho HS học tự chọn môn Cầu lông Trường Phổ thông Tuyên Quang; gồm:

1. Nhảy dây liên tục 30 giây
2. Di chuyển ngang sân đơn liên tục 1 phút

3. Di chuyển theo tín hiệu của GV
4. Di chuyển 2 góc lưới đánh cầu liên tục
5. Di chuyển tiến 1 bước lùi 3 bước xuống cuối sân đánh cầu

6. Di chuyển 4 điểm trên sân đánh cầu

Các bài tập bước đầu đã thể hiện tính hiệu quả sau 3 tháng thực nghiệm, với độ tin cậy ở ngưỡng xác suất $p < 0,05$.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Thanh (2011), *Phương pháp thống kê trong TDTT*, NXB TDTT Hà Nội.
2. Lê Văn Lãm, Phạm Xuân Thành (2007), *Giáo trình đo lường TDTT*, NXB TDTT Hà Nội.
3. Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *“Y học TDTT”*, NXB TDTT, Hà Nội.
4. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000), *Lý luận và phương pháp TDTT*, NXB TDTT Hà Nội.
5. Đào Chí Thành (2002), *Huấn luyện chiến thuật thi đấu Cầu lông*, NXB TDTT Hà Nội.
6. Nguyễn Văn Đức (2015) *Giáo trình Cầu lông*. NXB TDTT. Hà Nội

VAI TRÒ VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHUYỂN ĐỔI... (tiếp theo trang 8)

Năm là, văn hóa số trong nhà trường, gồm các vấn đề thái độ học tập, hiểu biết về đạo đức học thuật, tính tự giác, ý thức về tự học. Đối với đào tạo trực tiếp, việc kiểm soát quá trình đào tạo phần lớn thuộc về cơ sở giáo dục đại học và giáo viên, trong khi đối với đào tạo trực tuyến và từ xa, người học cũng phải chia sẻ nhiệm vụ này.

3. Kết luận

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra có tác động mạnh mẽ đến giáo dục, đặc biệt là định hình lại mô hình và tổ chức của đại học; trong đó, việc chuyển đổi số trong giáo dục đại học có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Hiểu đúng về chuyển đổi số, đánh giá đúng thực trạng, xác định và dự báo đúng các thách thức và vấn đề đặt ra để xây dựng lộ trình thực hiện chuyển đổi số hợp lý nhằm nhanh chóng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo có ý nghĩa to lớn với các trường đại học ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Điều này đòi hỏi phải đẩy mạnh đầu tư công nghệ, kinh phí và nêu cao quyết tâm chính trị của toàn thể cán bộ quản lý cùng đội ngũ viên chức, giảng viên trong các nhà trường.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*, Hà Nội.
- [2]. Dede, C. (2006), *Online professional development for teachers: Emerging models and methods*, Cambridge, Mass.: Harvard Education Press.
- [3]. Dolton, P., Asplund, R., Barth, E. (2009), *Education and inequality across Europe*. Cheltenham, UK.
- [4]. Herbaut, E.&Koen, G. (2019), *What Works to Reduce Inequalities in Higher Education? A Systematic Review of the (Quasi-) Experimental Literature on Outreach and Financial Aid*, Policy Research Working Paper, No. 8802. World Bank, Washington, DC.